

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nâng cấp bến cảng container Cái Mép Thượng (cầu cảng số 2, cầu cảng số 3)
tiếp nhận tàu 160.000 tấn giảm tải vào khai thác”
tại phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng cấp bến cảng container Cái Mép Thượng (cầu cảng số 2, cầu cảng số 3) tiếp nhận tàu 160.000 tấn giảm tải vào khai thác” họp ngày 02 tháng 04 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng cấp bến cảng container Cái Mép Thượng (cầu cảng số 2, cầu cảng số 3) tiếp nhận tàu 160.000 tấn giảm tải vào khai thác” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1253/TCg-KHĐT ngày 28 tháng 04 năm 2021 của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng cấp bến cảng container Cái Mép Thượng (cầu cảng số 2, cầu cảng số 3) tiếp nhận tàu 160.000 tấn giảm tải vào khai thác” tại phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Giao thông Vận tải;
- UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT. Dg.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Nâng cấp bến cảng container Cái Mép Thượng (cầu cảng số 2, cầu cảng số 3) tiếp nhận tàu 160.000 tấn giảm tải vào khai thác”

tại phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Nâng cấp bến cảng container Cái Mép Thượng (cầu cảng số 2, cầu cảng số 3) tiếp nhận tàu 160.000 tấn giảm tải vào khai thác.
- Tên viết tắt: Cảng TCIT.
- Địa điểm thực hiện: Phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.
- Địa chỉ liên hệ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1.1. Quy mô sử dụng đất, vùng mặt nước

Điều chỉnh giảm diện tích của Cảng Container Cái Mép Thượng hiện hữu (bao gồm cả diện tích trên cạn và diện tích mặt nước) từ 934.571,5 m² xuống còn 560.115 m² do điều chỉnh toàn bộ các hạng mục công trình của cảng Container Cái Mép Thượng - giai đoạn I (đã được phê duyệt tại Quyết định số 56/QĐ-BQP ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình cảng container Cái Mép Thượng - Công ty Tân Cảng Sài Gòn”) ra khỏi phạm vi Dự án và bàn giao cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn quản lý vận hành trên cơ sở Quyết định số 4262/QĐ-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh chức năng chủ đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cảng Container Cái Mép Thượng - giai đoạn I của Công ty Tân Cảng Sài Gòn/Bộ Tư lệnh Hải quân.

Tổng diện tích sau điều chỉnh của Dự án là 560.115 m², bao gồm 214.000 m² diện tích mặt nước và 346.115 m² diện tích trên cạn (trên cơ sở Quyết định số 1071/QĐ-BQP ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng cảng Container Cái Mép Thượng - Giai đoạn II của Công ty Tân cảng Sài Gòn/Bộ Tư lệnh Hải quân).

1.1.2. Quy mô đón tàu

Nâng quy mô tiếp nhận tàu có tải trọng lớn nhất từ 80.000 DWT (trên cơ sở Quyết định số 56/QĐ-BQP ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng công trình cảng container Cái Mép Thượng - Công ty Tân Cảng Sài Gòn và Quyết định số 1071/QĐ-BQP ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng cảng Container Cái Mép Thượng - Giai đoạn II của Công ty Tân cảng Sài Gòn/Bộ Tư lệnh Hải quân) lên 160.000 DWT

giảm tải (trên cơ sở Quyết định số 8943/BGTVT-KHĐT của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận chủ trương cho phép Cảng container Cái Mép Thượng giai đoạn 2 (cầu cảng số 2 và số 3) được tiếp nhận tàu 160.000 tấn giảm tải vào khai thác).

1.1.3. Các loại mặt hàng bốc dỡ, chuyển tải tại cảng: Hàng container.

1.1.3. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án

Giữ nguyên quy mô, khối lượng các hạng mục công trình đã được đầu tư xây dựng tại cảng Container Cái Mép Thượng - giai đoạn 2 (đầu tư xây dựng cầu cảng số 2 và 3) hiện hữu, bao gồm:

- Cầu cảng số 2 và số 3 có tổng chiều dài $L = 590$ m (cầu cảng số 2 có 01 bến cập tàu kích thước $L \times B = (320 \times 45,5)$ m và cầu cảng số 3 có 01 bến cập tàu kích thước $L \times B = (270 \times 45,5)$ m)), tiếp nhận tàu container có trọng tải đến 160.000 DWT giảm tải.

- 02 cầu dẫn số 4 và số 5 với tổng chiều dài $L = 172,04$ m, bề rộng $B = 15$ m.

- 01 cầu dẫn số 6 kích thước $L \times B = (117 \times 9)$ m.

- 01 kè bảo vệ bờ sông chiều dài $L = 603,2$ m (trong đó có 403,2 m kè loại 1 và 200 m kè loại 2).

- Bãi chứa container với tổng diện tích 186.747 m², bao gồm: 01 bãi chứa container xuất diện tích 60.242 m²; 01 bãi container nhập diện tích 66.431 m²; 01 bãi container lạnh diện tích 23.834 m²; 01 bãi container tổng hợp diện tích 32.740 m²; 01 bãi container hàng nguy hiểm diện tích 3.500 m².

- 01 khu công trình kho xưởng, dịch vụ kỹ thuật trên tổng diện tích 3.024 m², bao gồm: kho vật tư, dụng cụ diện tích 872 m²; khu vực sửa chữa và rửa xe diện tích 780 m² và xưởng sửa chữa diện tích 1.372 m².

- 01 bãi rửa xe, rửa container diện tích 410 m².

- Khu văn phòng và khu phụ trợ trên tổng diện tích 1.500 m², bao gồm: 01 nhà văn phòng diện tích 900 m² và 01 nhà ăn ca diện tích 600 m².

- Khu công trình phụ trợ khác trên tổng diện tích 690 m², bao gồm: 01 nhà để xe diện tích 525 m²; 01 kho chứa dầu diện tích 80 m²; 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 50 m² và hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày trên diện tích 35 m².

- Trạm cân, tường rào, trạm biến áp, trạm phát điện và các công trình phụ trợ khác trên tổng diện tích khoảng 47.047 m².

- Hệ thống cây xanh trên tổng diện tích khoảng 3.086 m².

- Hệ thống đường giao thông nội bộ trên tổng diện tích khoảng 103.611 m².

1.2. Phạm vi đánh giá tác động môi trường không bao gồm hạng mục nạo vét duy tu định kỳ khu nước trước bến tàu, khu lai dắt, tuyến luồng vào cảng và các hạng mục công trình của cảng Container Cái Mép Thượng - giai đoạn 1 (đầu tư xây dựng cầu cảng số 1).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Hoạt động của các cán bộ công nhân viên, hoạt động dịch vụ hậu cần cảng, hoạt động của các tàu, thuyền neo đậu và làm hàng tại cảng phát sinh bụi, khí thải động cơ, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước thải

khác, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông, tràn dầu.

- Hoạt động của tàu, thuyền cập cảng có khả năng làm sóng tràn bờ và nguy cơ sạt lở đường bờ tại khu vực Dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Hoạt động của cán bộ công nhân viên phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 49,1 m³/ngày.đêm; hoạt động của các nhân viên của tàu lai, ca nô, đội quản lý cầu cảng tại văn phòng tạm và khách trên tàu cập cảng, khách vãng lai đến giao dịch tại cảng phát sinh nước thải sinh hoạt với tổng khối lượng khoảng 7,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), Amoni, các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh, dầu mỡ động thực vật,...

- Hoạt động rửa xe và hoạt động vệ sinh container phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 29,76 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ, chất rắn lơ lửng (SS),...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Hoạt động bốc dỡ hàng hóa tại cảng phát sinh chủ yếu là bụi; hoạt động của các phương tiện ra vào các bến cảng số 2 và bến cảng số 3 và hoạt động của máy phát điện dự phòng phát sinh bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là TSP, SO₂, NO₂, CO, VOCs,...

- Hoạt động hàn sửa chữa xe, container phát sinh khói hàn, CO, NO_x; hoạt động sơn trong quá trình sửa chữa container phát sinh hơi dung môi.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Hoạt động của cán bộ công nhân viên và khách vãng lai phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 372,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: vỏ đồ hộp, pallet, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu phương tiện và thiết bị phát sinh chất thải rắn công nghiệp với khối lượng khoảng 76 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: lốp xe hỏng, palet hỏng, bìa carton, sắt,...

- Hoạt động của các bể tự hoại phát sinh bùn cặn với khối lượng khoảng 19 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 59.066 kg/năm. Thành phần chủ yếu là nhớt thải, giẻ lau nhiễm dầu, pin, ắc quy thải, bóng đèn thải, bộ lọc dầu, sơn, cặn sơn, bùn thải từ hệ thống xử lý hóa lý,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác

- Hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 3,3 - 4,8 kg/ngày. Thành phần và tính chất của bùn thải được phân định trong thực tế vận hành theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Hoạt động của tàu, thuyền cập cảng làm sóng tràn bờ, tăng lượng trầm tích ven bờ do bị bồi lắng, thay đổi vận tốc dòng chảy vốn có của sông và nguy cơ sạt lở đường bờ tại khu vực Dự án, ảnh hưởng đến luồng, tuyến, gây hư hỏng các công trình cảng Dự án và cảng lân cận.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các nhân viên của tàu lai, ca nô, đội quản lý cầu cảng ở tại văn phòng tạm và khách trên tàu cập cảng, khách vắng lai đến giao dịch tại cảng được thu gom vào 03 nhà vệ sinh di động hiện hữu dung tích khoảng 500 lít và 01 nhà vệ sinh di động hiện hữu dung tích khoảng 28 m³ đã được bố trí tại khu vực cầu cảng; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động của các nhân viên của tàu lai, ca nô, đội quản lý cầu cảng ở tại văn phòng tạm và khách trên tàu cập cảng, khách vắng lai đến giao dịch tại cảng → 04 nhà vệ sinh di động hiện hữu → định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý khi đầy bể.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ cán bộ công nhân viên phục vụ vận hành cảng được thu gom về 03 bể tự hoại cấu tạo 03 ngăn hiện hữu đã được đầu tư xây dựng tại mỗi công trình (01 bể đặt tại khu vực văn phòng kích thước (4 x 5 x 2) m, dung tích khoảng 40 m³; 01 bể tại nhà ăn và 01 bể tại xưởng sửa chữa, kích thước mỗi bể (2 x 3 x 2) m, dung tích mỗi bể khoảng 12 m³) để xử lý sơ bộ.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà bếp, nhà ăn được thu gom qua song chắn rác và 01 bể tách dầu mỡ dung tích 03 m³, kích thước L x B x H = (2 x 1 x 1,5) m để xử lý sơ bộ.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động tại xưởng sửa chữa, khu rửa xe và rửa container được thu gom về cụm xử lý hóa lý công suất 02 m³/giờ hiện hữu đã được xây dựng tại phía Đông Bắc của khu dịch vụ kỹ thuật để xử lý sơ bộ, (bể điều hòa kích thước L x B x H = (2 x 2 x 2) m, dung tích khoảng 08 m³, cụm xử lý hóa lý (keo tụ tạo bông, tuyển nổi, lắng) kích thước L x B x H = (2,5 x 1 x 2,2) m, dung tích khoảng 5,5 m³, bể chứa bùn kích thước L x B x H = (1,6 x 1,6 x 2) m, dung tích khoảng 5,12 m³) để xử lý sơ bộ.

- Toàn bộ nước thải phát sinh tại khu vực văn phòng, nhà ăn, xưởng sửa chữa, khu rửa xe và rửa container sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày.đêm hiện hữu đã được xây dựng tại khu vực phía sau nhà Văn phòng của Dự án để tiếp tục xử lý bằng công nghệ sinh học (thiếu khí kết hợp hiếu khí), đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với hệ số K_q = 1, K_f = 1,1 trước khi thoát ra sông Thị Vải. Kích thước của các bể xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày.đêm như sau: bể điều hòa kích thước L x B x H = (2 x 2 x 2) m, bể thiếu khí kích thước D x H = (1,7 x 3) m, bể hiếu khí kích thước L x B x H = (3,8x2,7x4,5) m, bể lắng kích thước L x B x H = (2,6x2,6x4,5) m, bể khử trùng kích thước L x B x H = (2,6x1,0x4,5) m.

Công nghệ xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn/song chắn rác/bể tách dầu mỡ và nước thải công nghiệp nhiễm dầu sau xử lý bằng cụm xử lý hóa lý → trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày.đêm → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử

trùng → nước thải sau xử lý (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, $Kq = 1$ và $Kf = 1,1$) → sông Thị Vải.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa trên mái được thu gom bằng ống PVC D90 - 110 mm về mương thoát nước rồi chảy ra hệ thống thoát nước mưa chung. Bãi container được thiết kế có dạng hình chóp dốc ra 4 phía để thu toàn bộ nước mặt về các mương và các hố ga. Nước mưa tràn mặt trên bãi chứa tự chảy theo độ dốc về các mương thoát nước ngầm chạy ngang bãi thông qua hệ thống hố ga rồi về hệ thống thoát nước ngầm chung, kết cấu bê tông cốt thép, đường kính D800 ÷ 1.200 mm và thoát ra sông Thị Vải. Trên hệ thống thoát nước chung bố trí các hố ga để lắng lọc nước mưa trước khi thải ra ngoài môi trường.

Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → hố ga → hệ thống mương thoát nước (xây dựng ngầm) → sông Thị Vải.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chủ Dự án có trách nhiệm thu gom toàn bộ nước thải phát sinh bởi Dự án về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày.đêm của để xử lý, đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, $Kq = 1$, $Kf = 1,1$ trước khi thoát ra sông Thị Vải; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; đảm bảo nước mưa chảy tràn khu vực Dự án được thu gom, lắng lọc trước khi thải ra môi trường, không gây ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực Dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị; thường xuyên vệ sinh, quét dọn tuyến đường vận chuyển, khu vực kho bãi, bốc dỡ hàng hóa; thực hiện đầy đủ các quy định về ngăn ngừa ô nhiễm không khí do tàu thuyền gây ra tại Công ước MARPOL.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt vào 35 thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa HDPE dung tích 120 ÷ 480 lít (10 thùng 120 lít, 20 thùng 240 lít, 5 thùng 480 lít) đã được trang bị tại cảng hiện hữu; định kỳ vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt về 04 khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu tại 4 góc của cảng, mỗi khu tập kết có diện tích khoảng 05 m².

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh tại khu vực xưởng sửa chữa vào 01 thùng chứa chất thải dung tích 480 lít (đã được trang bị).

- Định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, bùn bể tự hoại của Dự án cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chủ Dự án có trách nhiệm giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đều được phân loại tại nguồn, thu gom và xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh và lưu chứa vào 12 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 240 ÷ 480 lít/thùng, tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại hiện hữu diện tích khoảng 50 m² của Dự án; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất thu gom theo khối lượng thực tế.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chủ Dự án có trách nhiệm giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo mọi chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác

- Thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng bùn thải tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp bùn thải có thành phần nguy hại, chuyển giao cho đơn vị có chức năng về thu gom, xử lý chất thải nguy hại để xử lý theo quy định; trường hợp bùn thải được xác định là chất thải rắn thông thường, chuyển giao cho đơn vị có chức năng về thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường để xử lý theo quy định.

- Toàn bộ nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải khác phát sinh trên các phương tiện cập cảng do các chủ tàu tự chịu trách nhiệm thu gom, lưu chứa, quản lý, vận chuyển vào bờ và thuê đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo chỉ dẫn của Cảng vụ hàng hải Bà Rịa - Vũng Tàu và quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chủ Dự án có trách nhiệm giới thiệu cho các chủ tàu đơn vị có chức năng thực hiện việc thu gom, xử lý các loại nước thải, chất thải phát sinh trong thời gian neo đậu tại cảng theo quy định của pháp luật hiện

hành, đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do tàu gây ra mà Việt Nam là thành viên (Công ước MARPOL) và các quy định có liên quan trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Sử dụng các thiết bị bốc xếp container đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí khu vực sửa chữa, khu bốc xếp cách ly với khu vực văn phòng; trồng cây xanh quanh khuôn viên Dự án theo đúng tỉ lệ quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chủ Dự án có trách nhiệm tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong quá trình vận hành Dự án.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.7.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Trang bị đầy đủ các phương tiện thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định; lập phương án và diễn tập phòng chống cháy nổ; xây dựng nội quy về phòng cháy chữa cháy và phổ biến thực hiện; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; lắp đặt các tiêu lệnh chữa cháy và nâng cao ý thức phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công nhân; kiểm tra định kỳ các bồn chứa dầu để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ. Trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ, kịp thời chữa cháy và phối hợp với đơn vị chức năng tại khu vực để ứng cứu.

3.7.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông đường thủy

- Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với cơ quan bảo đảm an toàn hàng hải tiến hành đo đạc, rà soát thanh thải chướng ngại vật trên khu nước và công bố Thông báo hàng hải theo quy định; bố trí lực lượng cảnh giới, sử dụng dấu hiệu, tín hiệu và các thông tin liên lạc để cảnh báo cho các phương tiện thủy hoạt động trong khu vực; yêu cầu mọi thuyền viên và người làm việc trên phương tiện thi công phải mặc áo phao, sử dụng bảo hộ lao động và tuân thủ quy định về trật tự an ninh khu vực.

- Lập kế hoạch ứng cứu sự cố va quệt và chìm tàu theo quy định của Bộ Luật hàng hải; tàu từ biển vào neo đậu và chuyển tải container tại các bến tàu của Dự án phải được hoa tiêu dẫn đường; khi vào bến phải có đội tàu lai dắt hỗ trợ. Đội

quản lý bên phối hợp với hoa tiêu thông báo tình hình luồng cho phương tiện, tàu thuyền ra vào bến.

- Trường hợp xảy ra sự cố giao thông đường thủy, tìm mọi biện pháp cứu người, bảo vệ dấu vết hiện trường; tìm cách cứu người bị nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm, nhanh chóng đưa người bị nạn đi cấp cứu; thông báo kịp thời và phối hợp với các cơ quan có chức năng thực hiện các biện pháp tình huống để hạn chế thiệt hại; ngăn cản không cho dầu và các chất nổi lan tỏa trên mặt nước ở diện rộng; trục vớt thân tàu, container sau khi giải quyết vấn đề dầu và hóa chất loang; điều tiết giao thông tiến hành cảnh giới hai đầu luồng qua khu vực xảy ra sự cố.

3.7.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu

Thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hợp đồng với đơn vị có chức năng về việc ứng phó sự cố tràn dầu trong quá trình vận hành Dự án; giáo dục ý thức công nhân viên làm việc cho Dự án đảm bảo an toàn, thực hiện đúng quy trình trong quá trình tiếp nhiên liệu cho tàu, tránh rò rỉ dầu ra môi trường.

Trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu, thông báo ngay cho cơ quan chức năng để có phương án ứng cứu kịp thời; thông báo cho các phương tiện giao thông trên luồng biết về vị trí khu vực tràn dầu và phối hợp ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu hiệu quả; chủ động, tích cực tham gia khắc phục hậu quả; huy động mọi nguồn lực tự ứng phó, ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường; tìm mọi biện pháp ngăn, quây không cho dầu đã tràn ra tiếp tục loang rộng thêm; tổ chức thu gom vớt dầu, cặn dầu vào nơi an toàn và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định; giám sát chặt chẽ nguy cơ lan tỏa dầu tràn vào đường bờ để xác định thứ tự ưu tiên và tiến hành các biện pháp bảo vệ các khu vực ưu tiên bảo vệ.

3.7.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả

- Bố trí máy phát điện cho trạm xử lý nước thải tập trung; thường xuyên theo dõi vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của trạm xử lý, đảm bảo trạm xử lý vận hành đúng công suất; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động khi có sự cố; bể điều hòa được thiết kế có thời gian lưu nước khoảng 10 giờ, giúp ổn định nước thải trước khi sang các bể xử lý tiếp theo và phòng ngừa khi có sự cố xảy ra; thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa đảm bảo thời gian lưu chứa tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, tiến hành tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để kiểm tra và sửa chữa; khóa chặn các van tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa nước thải. Sau khi khắc phục xong, mở các van tại các bể chứa thành phần để nước thải được tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, $K_q=1$ và $K_f=1,1$ trước khi thoát ra sông Thị Vải.

3.7.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở đường bờ

Định kỳ thực hiện giám sát bồi lắng, xói lở trong suốt quá trình vận hành Dự án nhằm phát hiện và xử lý kịp thời. Trường hợp xảy ra sạt lở hoặc tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến đường bờ và các công trình liên quan khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan và phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3.7.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

Phổ biến nội quy về an toàn lao động cho công nhân; sử dụng lao động đúng ngành nghề và trình độ được đào tạo, công nhân trực tiếp vận hành máy được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách; sử dụng các thiết bị bảo hộ, dụng cụ lao động theo đúng quy định, thực hiện kiểm tra an toàn lao động.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm.
- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải nhiễm dầu (cụm xử lý hóa lý) công suất 02 m³/giờ.
- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 50 m².
- 04 khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt diện tích mỗi khu vực khoảng 05 m².
- 01 bể tách dầu mỡ dung tích 03 m³, kích thước L x B x H = (2 x 1 x 1,5) m.
- 03 nhà vệ sinh di động dung tích mỗi nhà vệ sinh khoảng 500 lít và 01 nhà vệ sinh di động dung tích khoảng 28 m³ tại khu vực cầu cảng.
- 01 bể tự hoại 03 ngăn tại khu vực văn phòng kích thước (4 x 5 x 2) m, dung tích khoảng 40 m³.
- 01 bể tự hoại 03 ngăn đặt tại nhà ăn và 01 bể tự hoại 03 ngăn đặt tại xưởng sửa chữa, kích thước mỗi bể (2 x 3 x 2) m, dung tích mỗi bể khoảng 12 m³.
- Hệ thống thu gom, lắng cặn nước mưa chảy tràn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án:

5.1. Giám sát nước thải sau xử lý

- Số điểm giám sát: 02 điểm
- Vị trí giám sát:
 - + Nước thải đầu vào tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm.
 - + Nước thải sau xử lý tại sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm.

- Thông số giám sát: nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, sắt, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng Phenol, tổng Xianua, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Ni tơ, tổng Phốt pho (tính theo P), coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, với hệ số K_q = 1 và K_f = 1,1.

5.2. Quản lý, giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt,

chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Giám sát bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

- Vị trí: bể chứa bùn thải.
- Tần suất giám sát: 01 lần duy nhất
- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Ni, Hg, Cr⁶⁺, CN⁻, tổng dầu, Phenol.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

5.4. Giám sát khác

Giám sát hoạt động của các tàu thuyền cập bến phao của Dự án, bảo đảm các chất thải phát sinh trên tàu thuyền được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không xả bất kỳ chất thải nào xuống sông Thị Vải; hoạt động xả nước dẫn tàu tại khu vực cảng (nếu có) phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Cảng vụ hàng hải Bà Rịa - Vũng Tàu và Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

6.1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên môi trường biển và hải đảo, hàng hải và các quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

6.2. Thường xuyên theo dõi, giám sát các hiện tượng bồi lắng, xói lở, biến động dòng chảy trong khu vực Dự án, đặc biệt tại khu vực bến cảng và các vị trí ven bờ gần khu vực Dự án. Trường hợp phát hiện sự cố xói lở bất thường, phải báo cáo cơ quan có chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý đảm bảo giảm thiểu tác động tới cảnh quan, môi trường, an toàn cho các công trình và luồng giao thông khu vực.

6.3. Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn giao thông hàng hải, bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động; xây dựng và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố tai nạn giao thông, tràn dầu, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng

hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; đầu tư các phương tiện, trang thiết bị cần thiết và có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với Cảng vụ Hàng hải Bà Rịa - Vũng Tàu, Cảng Sài Gòn và các cơ quan chức năng để phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các sự cố do tai nạn giao thông của tàu thuyền, tràn dầu, cháy nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác có thể xảy ra.

6.4. Công khai, niêm yết danh sách tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển và giá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

6.5. Tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển; Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về bảo vệ công trình hàng hải; Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải; Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do tàu gây ra mà Việt Nam là thành viên (Công ước MARPOL) và các quy định có liên quan trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện như cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.7. Thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ công nhân viên tham gia thực hiện Dự án.

6.8. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường của Dự án và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.9. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.